SAO LỤC; Tỉnh Lạng Sơn; 14/12/2023 17:08:18 +07:00
SAO Y
Người ký: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Email: bkhdt@mpi.gov.vn
Cơ quan: BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Thời gian ký: 14.12.2023 14:12:49 +07:00

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:13/2023/TT-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2023*

HỎA TỐC
Đến trước ..... ngày .....

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025" ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thực hiện Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025";

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025".

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025" quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là "Chương trình 167"), bao gồm: nguyên tắc đo lường, đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh doanh bền vững; tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng kết quả của tổ chức đo lường đánh giá và công nhận doanh nghiệp kinh

doanh bền vững thông qua bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững; nội dung, cơ chế tổ chức thực hiện hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; xây dựng, tổng hợp kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình 167.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững;

b) Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững;

c) Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các đơn vị thuộc, trực thuộc; các tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động của Chương trình 167;

d) Tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh bền vững.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Kinh doanh bền vững là các mô hình kinh doanh quy định tại Chương trình 167, bao gồm:

a) Mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh doanh trong đó các công đoạn xây dựng chiến lược, tầm nhìn doanh nghiệp, hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo quy định tại Điều 142 Luật Bảo vệ môi trường; và thực hiện một hoặc nhiều biện pháp để đạt được tiêu chí kinh tế tuần hoàn theo quy định tại Điều 138 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

b) Mô hình kinh doanh bao trùm là mô hình kinh doanh huy động người thu nhập thấp tham gia trong chuỗi giá trị của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; trong đó, người thu nhập thấp có thể tham gia với vai trò là nhà cung ứng, khách hàng, nhà phân phối hay có thể là người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các giá trị chia sẻ;

c) Mô hình kinh doanh phát triển bền vững theo khung môi trường, xã hội và quản trị (sau đây gọi tắt là Mô hình kinh doanh áp dụng ESG) là mô hình kinh doanh hướng tới sự phát triển bền vững, đảm bảo hài hoà các yếu tố bền vững về các mặt kinh tế, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và quản trị.

2. Doanh nghiệp khu vực tư nhân thực hiện kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp kinh doanh bền vững) là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nhưng không bao gồm doanh nghiệp

nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 14 Luật Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b Điều 23 Luật Đầu tư; và áp dụng một trong các mô hình kinh doanh bền vững quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân kinh doanh bền vững (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững) là doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT- BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT).

4. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững là tập hợp các tiêu chí được cụ thể hóa và lượng hóa theo thang điểm, trọng số để đánh giá mức độ áp dụng mô hình kinh doanh bền vững trong doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi tắt là bộ công cụ).

5. Đo lường, đánh giá, công nhận (sau đây gọi tắt là đánh giá) doanh nghiệp kinh doanh bền vững là việc sử dụng bộ công cụ để đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo từng mức độ áp dụng mô hình kinh doanh bền vững.

6. Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững theo quy định tại điểm b khoản 2 Mục I của Chương trình 167, bao gồm:

a) Cơ quan, đơn vị, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc các cơ quan, đơn vị này;

b) Tổ chức hiệp hội được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động của Chương trình 167 (sau đây gọi tắt là tổ chức hiệp hội) gồm các tổ chức chính trị - xã hội, hội có tính chất đặc thù quy định tại Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù, được ngân sách nhà nước bảo đảm hoặc hỗ trợ để triển khai nhiệm vụ theo quy định hiện hành và có chức năng hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp;

c) Viện nghiên cứu, trường đại học, đơn vị sự nghiệp không thuộc điểm a, b khoản 6 Điều này; doanh nghiệp; tổ chức khác có tư cách pháp nhân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b khoản này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguyên tắc đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá mức độ áp dụng mô hình kinh doanh bền vững trong doanh nghiệp:

a) Việc đánh giá mức độ áp dụng mô hình kinh doanh bền vững trong doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc tự nguyện;

b) Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững sử dụng bộ công cụ đã được đăng tải trên Cổng thông tin doanh nghiệp tại địa chỉ http://business.gov.vn hoặc tự nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đáp ứng các quy định tại Điều 4 Thông tư này để thực hiện đánh giá và hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững. Các doanh nghiệp được đánh giá đạt từ 50% tổng số điểm trở lên của bộ công cụ được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại Điều 13, 14 Thông tư này.

2. Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn lực và định hướng ưu tiên hỗ trợ trong năm, tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững theo nguyên tắc sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh bền vững đăng ký nhu cầu trước được hỗ trợ trước;

b) Doanh nghiệp kinh doanh bền vững do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp kinh doanh bền vững sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp kinh doanh bền vững là doanh nghiệp xã hội theo quy định của pháp luật được hỗ trợ trước.

3. Việc triển khai các hoạt động hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư này và Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167 (sau đây gọi tắt là Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn Chương trình 167).

4. Việc triển khai các hoạt động hỗ trợ từ nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ thực hiện theo thỏa thuận với nhà tài trợ, bên tham gia đóng góp kinh phí (trường hợp có thỏa thuận), hoặc theo quy định của tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững (trường hợp không có thoả thuận). Cơ chế thực hiện (quy trình, thủ tục, nội dung và chi phí thực hiện, trách nhiệm của các bên liên quan) và việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp, tài trợ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương II

BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH KINH DOANH BỀN VỮNG

Điều 4: Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững

1. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững bao gồm các nhóm tiêu chí cụ thể hóa theo từng mô hình kinh doanh bền vững quy định tại các Điều 5, 6, 7 Thông tư này. Bộ công cụ bao gồm các tiêu chí được lượng hóa theo thang điểm, có trọng số, có phương pháp đánh giá cụ thể phù hợp với thực tế, không vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

2. Bộ công cụ do các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững quy định tại điểm b, c khoản 6 Điều 2 của Thông tư này xem xét ban hành tuỳ theo yêu cầu thực tiễn và phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Bộ công cụ trước khi được ban hành cần được lấy ý kiến các cơ quan liên quan và rà soát để đảm bảo tính phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành; và được công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị ban hành trước khi đưa vào triển khai áp dụng đánh giá doanh nghiệp trong thực tế.

Điều 5. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn

Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh áp dụng kinh tế tuần hoàn bao gồm các nhóm tiêu chí như sau:

1. Về định hướng kinh doanh theo mô hình kinh tế tuần hoàn: Doanh nghiệp có triết lý về kinh doanh áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong tầm nhìn, sứ mệnh, hoặc có mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hoạt động hướng đến kinh tế tuần hoàn.

2. Về áp dụng kinh tế tuần hoàn trong công đoạn sản xuất và tiền sản xuất:

a) Tiêu chí về giảm khai thác, sử dụng tài nguyên không tái tạo, tài nguyên nước; tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên, nguyên liệu thô, vật liệu; tiết kiệm năng lượng;

b) Tiêu chí về kéo dài thời gian sử dụng vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, các linh kiện, cấu kiện;

c) Tiêu chí về hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường bao gồm: giảm chất thải rắn, nước thải, khí thải; giảm sử dụng hóa chất độc hại; tái chế chất thải, thu hồi năng lượng; giảm sản phẩm sử dụng một lần; mua sắm xanh.

3. Về áp dụng kinh tế tuần hoàn trong công đoạn sau bán hàng, bao gồm vận chuyển giao hàng, sử dụng sản phẩm, thu hồi sản phẩm:

a) Tiêu chí về sử dụng năng lượng tái tạo; tái chế, tái sử dụng vật liệu tiêu hao; dịch vụ sửa chữa hoặc bảo trì sản phẩm; thông tin bao bì, nhãn mác sản phẩm;

b) Tiêu chí về tái chế sản phẩm, quản lý thu hồi, thu gom sản phẩm;

c) Tiêu chí về sử dụng hạt vi nhựa hoặc nhựa không tự phân huỷ.

Điều 6. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bao trùm

Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bao trùm bao gồm các nhóm tiêu chí như sau:

1. Về định hướng kinh doanh bao trùm: Doanh nghiệp có triết lý về định hướng kinh doanh bao trùm trong tầm nhìn, sứ mệnh, thông điệp của lãnh đạo doanh nghiệp hoặc có mục tiêu, chiến lược hoạt động, kế hoạch hoạt động có hướng đến kinh doanh bao trùm; hệ thống quản lý và đo lường tác động.

2. Về tính khả thi thương mại: Tính khả thi thương mại cấp độ doanh nghiệp; tính khả thi thương mại cấp độ mô hình kinh doanh bao trùm; quản trị tốt; tuân thủ pháp luật lao động, bảo vệ môi trường, tiêu chí phát triển bền vững về khía cạnh xã hội.

3. Về tác động xã hội: Tác động xã hội theo chiều rộng; tác động xã hội theo chiều sâu; tính nhân rộng và lan tỏa theo ngành, theo chuỗi, đến cộng đồng địa phương, thúc đẩy bình đẳng giới.

4. Về đổi mới sáng tạo: Đổi mới sáng tạo trong quy trình, mô hình kinh doanh để cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người thu nhập thấp; đổi mới sáng tạo về công nghệ nâng cao hiệu quả kinh tế, tác động xã hội, bảo vệ môi trường; đổi mới sáng tạo vì xã hội, thúc đẩy công bằng và bền vững trong xã hội; đổi mới sáng tạo bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển doanh nghiệp theo hướng xanh, phục vụ tăng trưởng xanh.

Điều 7. Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh áp dụng ESG

Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh áp dụng ESG bao gồm các nhóm tiêu chí như sau:

1. Về môi trường: Tuân thủ về môi trường, tiêu chuẩn môi trường đối với nhà cung cấp, vật liệu, năng lượng, nước, đa dạng sinh học, khí thải, nước thải và chất thải, sản phẩm có trách nhiệm;

2. Về xã hội: Việc làm, quan hệ lao động và quản lý, an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo, sự đa dạng, cơ hội bình đẳng, tham gia công đoàn và các tổ chức đoàn thể, lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc, quyền lợi người lao động, cộng đồng địa phương, tiêu chuẩn xã hội với nhà cung cấp, sức khoẻ và an toàn của khách hàng, tiếp thị và nhãn hiệu, bảo mật thông tin khách hàng.

3. Về quản trị: Cam kết thực hiện ESG hoặc kinh doanh bền vững, cơ cấu và chức năng của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Giám đốc, quản trị sự tham gia của các bên liên quan, tính công khai và minh bạch, môi trường kiểm soát và quyền cổ đông (chỉ áp dụng với các công ty cổ phần, có niêm yết trên sàn chứng khoán).

Chương III
HƯỚNG DẪN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG

Mục 1
PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI HỖ TRỢ KINH DOANH BỀN VỮNG

Điều 8. Nâng cao nhận thức và kết nối thúc đẩy kinh doanh bền vững

Các hoạt động phát triển hệ sinh thái nhằm nâng cao nhận thức và kết nối thúc đẩy kinh doanh bền vững bao gồm:

1. Xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững và mô hình kinh doanh bền vững, bao gồm: Bộ công cụ, các ấn phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết); các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử); tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình và các tài liệu khác.

2. Tổ chức phổ biến, thông tin, truyền thông:

a) In ấn, phát hành, thực hiện truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo các hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến nhằm: chia sẻ thông tin, phổ biến kinh nghiệm và thực tiễn tốt về kinh doanh bền vững và mô hình kinh doanh bền vững; tập huấn, hướng dẫn, phổ biến các tài liệu tại khoản 1 Điều này; kết nối doanh nghiệp kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư, kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế. Tại các hội nghị, hội thảo có kết hợp trưng bày, triển lãm, giới thiệu về kinh doanh bền vững.

Điều 9. Tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững

1. Đối tượng: cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 2 Thông tư này.

2. Nội dung đào tạo bồi dưỡng: các kiến thức, mô hình kinh doanh bền vững; kinh nghiệm trong nước, nước ngoài về kinh doanh bền vững và mô hình kinh doanh bền vững; quy định pháp lý và cách thức triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; các nội dung khác liên quan trực tiếp đến công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững.

3. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 1 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 10. Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các bộ, cơ quan ngang bộ bổ sung quy định về lĩnh vực tư vấn và bộ tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững vào ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Quy trình, điều kiện, thủ tục công nhận tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và quy định của bộ, cơ quan ngang bộ về tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên trong ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Hoạt động hình thành, vận hành, quản lý, duy trì hoạt động của tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Thúc đẩy nguồn tài chính cho kinh doanh bền vững

1. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững; huy động các nguồn tài chính trong nước và nước ngoài hỗ trợ kinh doanh bền vững; phát triển nền tảng thông tin kết nối khách hàng doanh nghiệp kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo tư vấn về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, tín dụng cho kinh doanh bền vững.

Mục 2
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KINH DOANH BỀN VỮNG

Điều 12. Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững sử dụng bộ công cụ đánh giá mức độ doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh doanh bền vững và thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc thực hiện quy định tại Điều 3 Thông tư này

2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững: thực hiện hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 13 và khoản 1, 2 Điều 14 Thông tư này. Quy trình, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Điều 3 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

3. Đối với doanh nghiệp kinh doanh bền vững khác: thực hiện hỗ trợ các nội dung theo quy định tại khoản 5 Điều 13 và khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

Điều 13. Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững về tư vấn, công nghệ và xúc tiến thương mại

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững về tư vấn, công nghệ, xúc tiến thương mại theo quy định tại Điều 11, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

2. Hỗ trợ về tư vấn

a) Tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ; tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tư vấn giải pháp chuyển đổi số; tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng quy định; tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới; tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế; tư vấn tìm kiếm thông tin, truyền thông, quảng bá cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững lựa chọn nội dung hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và được hỗ trợ theo nội dung và định mức tương ứng quy định tại Điều 11, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

b) Tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư; tư vấn về nhân sự, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ, tư vấn xây dựng chiến lược, chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng kinh doanh bền vững và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp: thực hiện hỗ trợ theo định mức quy định đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ và doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp xã hội tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

3. Hỗ trợ công nghệ

Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững lựa chọn nội dung hỗ trợ về công nghệ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và được hỗ trợ theo nội dung và định mức tương ứng quy định tại Điều 22, Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ thử nghiệm sản phẩm kinh doanh bền vững (bao gồm thử nghiệm sản phẩm

mới), hoàn thiện sản phẩm (bao gồm hoàn thiện sản phẩm mới), mô hình kinh doanh bền vững; Hỗ trợ chi phí, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng;

b) Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường;

c) Hỗ trợ chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật;

d) Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ;

đ) Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số.

4. Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững lựa chọn nội dung hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và được hỗ trợ theo nội dung và định mức tương ứng quy định tại Điều 22, Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP:

a) Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử;

b) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài.

5. Doanh nghiệp kinh doanh bền vững khác được hỗ trợ về tư vấn, công nghệ, xúc tiến thương mại theo các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Mục II Chương trình 167. Việc thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 3 Thông tư này.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp

Doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững được hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

a) Khóa đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp: áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

b) Khoá đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp: áp dụng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ đào tạo huấn luyện chuyên sâu về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững

a) Đào tạo huấn luyện chuyên sâu trong nước: áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

b) Đào tạo huấn luyện chuyên sâu nước ngoài: áp dụng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp kinh doanh bền vững khác được hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu trong nước và nước ngoài từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo hình thức và nội dung do tổ chức thúc đẩy kinh doanh bền vững quyết định. Việc thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 3 Thông tư này.

Mục 3
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 15. Hoạt động quản lý Chương trình

Hoạt động quản lý chương trình do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện bao gồm:

1. Xây dựng tài liệu hướng dẫn, quy trình tổ chức thực hiện và khung đánh giá, giám sát Chương trình 167 (sau đây gọi chung là tài liệu) gồm: xây dựng tài liệu; thuê chuyên gia tư vấn xây dựng, thẩm định nội dung tài liệu; tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến, công bố, hướng dẫn sử dụng tài liệu.

2. Đánh giá, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình 167:

a) Tổ chức thường xuyên hoặc đột xuất các đoàn công tác đánh giá tình hình triển khai ở các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình;

b) Định kỳ hằng năm thực hiện tổng hợp, xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình trên phạm vi cả nước và đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung, hoạt động của Chương trình trong trường hợp cần thiết.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức hiệp hội, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách trung ương triển khai Chương trình 167 (theo mẫu tại Phụ lục 1 và Biểu 1 ban hành kèm Thông tư này); thông báo kế hoạch thực hiện Chương trình 167 cho các bộ, cơ

quan trung ương, tổ chức hiệp hội ở trung ương trên cơ sở dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

2. Triển khai các hoạt động quản lý Chương trình 167 quy định tại Điều 15 Thông tư này, các hoạt động của Chương trình 167 trong phạm vi, lĩnh vực quản lý; tổng hợp và đăng tải các bộ công cụ trên Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tại địa chỉ http://business.gov.vn.

Điều 17. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức hiệp hội

Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức hiệp hội thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại khoản 3 mục IV Chương trình 167 và các quy định sau:

1. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức hiệp hội ở trung ương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình 167 theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn Chương trình 167. Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lồng ghép vào kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và tổ chức hiệp hội quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 2 Thông tư này ở cấp trung ương gửi kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình 167 tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Căn cứ dự toán kinh phí ngân sách trung ương được cấp thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương và tổ chức hiệp hội ở trung ương điều chỉnh kế hoạch và dự toán thực hiện Chương trình 167 (bao gồm chi tiết nhiệm vụ giao cho các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững thuộc, trực thuộc), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét có văn bản thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này cho các cơ quan làm căn cứ triển khai thực hiện.

3. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương thực hiện Chương trình 167; gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định.

4. Tổ chức triển khai các hoạt động của Chương trình 167 theo quy định tại Thông tư này (không bao gồm Điều 15); xây dựng báo cáo kết quả thực hiện và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức thúc đẩy kinh doanh bền vững và doanh nghiệp kinh doanh bền vững

1. Tổ chức thúc đẩy kinh doanh bền vững thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định tại khoản 4 mục IV Chương trình 167 và các quy định sau:

a) Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững tại điểm a, b khoản 5 Điều 2 Thông tư này triển khai các hoạt động của Chương trình 167 theo quy định tại Thông tư này và trên cơ sở kế hoạch, dự toán được duyệt.

b) Các tổ chức thúc đẩy phát triển kinh doanh bền vững tại điểm c khoản 5 Điều 2 Thông tư này chủ động huy động nguồn đóng góp, tài trợ để triển khai các hoạt động của Chương trình 167 do tổ chức mình chủ trì thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư này; tham gia triển khai các hoạt động của Chương trình 167 do các tổ chức tại khoản 1 Điều này chủ trì thực hiện trên cơ sở được lựa chọn theo quy định của pháp luật đấu thầu.

2. Các doanh nghiệp kinh doanh bền vững thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 5 mục IV Chương trình 167.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức hiệp hội phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, phối hợp giải quyết theo thẩm quyền.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế./.

Nơi nhận:
- Các bộ, cơ quan trung ương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Website: Chính phủ, Bộ KHĐT, Công báo;
- Lưu: VT, PTDN (Lg05b).140

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Duy Đông

Phụ lục 1: Đề xuất kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình 167

(Ban hành kèm Thông tư số 13./2023/TT-BKHĐT ngày 12. tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 167 NĂM...

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 167 NĂM 20... *(năm trước năm kế hoạch)*

1. Kết quả thực hiện Chương trình 167 năm 20...

a) Thông tin về Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững được áp dụng:

Cơ quan tổ chức ban hành Bộ công cụ; mục tiêu; đối tượng, lĩnh vực áp dụng Bộ công cụ (đính kèm bản sao Bộ công cụ hoặc địa chỉ đăng tải bản điện tử của Bộ công cụ);

b) Các hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững:

- Nội dung hỗ trợ;

- Số kinh phí đã giải ngân từ nguồn nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp, từ nguồn đóng góp, tài trợ.

c) Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững

- Số lượng doanh nghiệp được đánh giá thông qua Bộ công cụ;

- Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ, các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững;

- Số kinh phí đã giải ngân từ nguồn ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp, từ nguồn đóng góp, tài trợ.

d) Thuận lợi, khó khăn khi triển khai Chương trình 167.

đ) Kiến nghị

2. Số liệu tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình 167 năm 20....

Tổng kinh phí đã thực hiện:..... đồng. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: ..... đồng;

- Từ nguồn ngân sách địa phương: ..... đồng;

- Từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp kinh doanh bền vững: ..... đồng;

- Từ nguồn đóng góp, tài trợ: ..... đồng.

II. ĐỀ XUẤT KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 167 NĂM 20... *(năm kế hoạch)*

1. Dự kiến kế hoạch thực hiện Chương trình 167 năm 20...

Đơn vị xây dựng thuyết minh về những nội dung đề xuất hỗ trợ:

- Thông tin chung (sự cần thiết triển khai các hoạt động phát triển hệ sinh thái và hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững; nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp kinh doanh bền vững trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách);

- Thông tin về tổ chức hỗ trợ phát triển kinh doanh bền vững (năng lực của tổ chức; cách thức thực hiện hỗ trợ; cách thức phối hợp thực hiện);

- Thông tin về Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững dự kiến áp dụng: Cơ quan tổ chức ban hành Bộ công cụ; mục tiêu; đối tượng, lĩnh vực áp dụng Bộ công cụ (đính kèm bản sao Bộ công cụ hoặc địa chỉ đăng tải bản điện tử của Bộ công cụ);

- Doanh nghiệp dự kiến đánh giá thông qua Bộ công cụ (đối tượng, phạm vi, số lượng, quy mô);

- Số lượng doanh nghiệp kinh doanh bền vững dự kiến thực hiện hỗ trợ:.....;

- Nội dung hỗ trợ:.....

- Các thông tin liên quan khác.

2. Số liệu tổng hợp về đề xuất kinh phí thực hiện thực hiện Chương trình 167 năm 20...

Tổng kinh phí đề nghị để thực hiện Chương trình 167:..... đồng. Trong đó:

- Từ nguồn ngân sách trung ương: ..... đồng;

- Từ nguồn ngân sách địa phương: ..... đồng;

- Từ nguồn đóng góp của doanh nghiệp kinh doanh bền vững: ..... đồng;

- Từ nguồn đóng góp, tài trợ: ..... đồng.

....., ngày..... tháng..... năm....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)

TÊN: đơn vị chủ quản

Tên: ....Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV

Biểu 1: Kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 167 năm 20...

(Ban hành kèm Thông tư số 13/2023/TT-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

ĐVT: đồng

TT	Hoạt động/ Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Định mức hỗ trợ tối đa từ NSNN/mỗi hoạt động, nội dung		Phân chia nguồn			Ghi chú
						Tỷ lệ %	Số kinh phí	NSNN hỗ trợ	Đóng góp của DNNVV	Nguồn đóng góp, tài trợ	
a	b	c	d	e	g= d x e	h	i	k=g x h	l	m	n
A	**Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững (=I+II+III+IV)**										
I	***Nâng cao nhận thức về kinh doanh bền vững*(=1+2)***										
1	*Xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững và mô hình kinh doanh bền vững*										
2	*Tổ chức phổ biến thông tin, truyền thông*										
2.1	*In ấn, phát hành, thực hiện truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội các tài liệu*										

2.2	*Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo các hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến nhằm: chia sẻ thông tin, phổ biến kinh nghiệm và thực tiễn tốt về kinh doanh bền vững và mô hình kinh doanh bền vững; tập huấn, hướng dẫn, phổ biến các tài liệu*										
II	***Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững***										
1	*Tổ chức khóa đào tạo bồi dưỡng*										
III	***Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh bền vững***										
1	*Xây dựng mạng lưới quy định tại 3 Điều 10 Thông tư này*										
B	**Hỗ trợ DN kinh doanh bền vững (=I+II)**	*- Các Bộ, tổ chức hiệp hội quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 2 Thông tư ở cấp trung ương lập dự toán NSTW để hỗ trợ DNVVV kinh doanh bền vững thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách. Các địa phương lập dự toán NSĐP để hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững tại địa phương. Dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV kinh doanh bền vững lồng ghép trong dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV và tổng hợp theo quy định tại Điều 19 Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT.* *-DN kinh doanh bền vững khác được hỗ trợ từ nguồn tài trợ, đóng góp khác.*									

I	***Hỗ trợ tư vấn, công nghệ và xúc tiến thương mại (=I.1+I2+I.3)***										
I.1	***Hỗ trợ tư vấn*(=1+2+3+4+5+6+7+8+9+10)***										
1	*Tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ*	*DN*									
2	*Tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ*	*DN*									
3	*Tư vấn lựa chọn giải pháp chuyển đổi số*	*DN*									
4	*Tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở*	*DN*									
5	*Tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng*	*DN*									
6	*Tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới*										
7	*Tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế*	*DN*									

8	*Tư vấn tìm kiếm thông tin, truyền thông, quảng bá cho các sản phẩm, dịch vụ kinh doanh bền vững của doanh nghiệp*	*DN*									
9	*Tư vấn tiếp cận tài chính, gọi vốn đầu tư; tư vấn về nhân sự, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ, tư vấn xây dựng chiến lược, chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng kinh doanh bền vững và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp*	*DN*									
10	*Hoạt động/ Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp KDBV khác...*										
I.2	***Hỗ trợ công nghệ*(=1+2+3+4+5+6+7+8)***										
1	*Hỗ trợ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đo lường chất lượng sản phẩm, dịch vụ*	*DN*									
2	*Hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm (bao gồm hoàn thiện sản phẩm mới), mô hình kinh doanh bền vững*	*DN*									

3	*Hỗ trợ chi phí, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng*	*DN*									
4	*Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường*	*DN*									
5	*Chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật*	*DN*									
6	*Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ quy định*	*DN*									
7	*Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số*										
7.1	*Đối với DN nhỏ*	*DN*									
7.2	*Đối với DN vừa*	*DN*									
8	*Hoạt động/ Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp KDBV khác...*										
I.3	***Hỗ trợ xúc tiến thương mại *(=1+2)***										

1	*Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế*	*DN*									
2	*Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại*										
2.1	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước*	*DN*									
2.2	*Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài*	*DN*									
II	***Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu cho doanh nghiệp kinh doanh bền vững *(=1+2+3+4)***										
1	*Hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp*										
1.1	*Khóa đào tạo trực tiếp*	*Khoá*									
1.2	*Khoá đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp*	*Khóa*									
2	*Hỗ trợ đào tạo huấn luyện chuyên sâu về áp dụng và phát triển mô hình kinh doanh bền vững*										
2.1	*Đào tạo huấn luyện chuyên sâu trong nước*	*Khóa*									

2.2	*Đào tạo huấn luyện chuyên sâu ở nước ngoài*	*Khóa*									
3	*Khóa đào tạo không có ngân sách nhà nước hỗ trợ*	*Khóa*									
4	*Hoạt động/ Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp KDBV khác...*										
C	**Hoạt động quản lý Chương trình *(=I+II+III)**										
I	***Xây dựng tài liệu hướng dẫn, quy trình thực hiện***										
1	*...*										
2	*...*										
II	***Xây dựng khung đánh giá, giám sát Chương trình***										
1	*...*										
2	*...*										
III	***Đánh giá việc thực hiện Chương trình và xây dựng báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ***										
1	*...*										
2	*...*										
	Tổng cộng (=A+B+C)										

(*): lập dự toán chi tiết theo hướng dẫn của Bộ Tài chính

....., ngày..... tháng..... năm....

Người lập
(Ký, họ tên)

Lãnh đạo đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu cơ quan)